

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH NGOC THACH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 08 18 1927
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): x
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 291 LE QUANG DINH ST, QUAN BINH THANH
(Dia chi tai Viet-Nam) HO CHI MINH CITY, VIETNAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 6-17-75 To (Den): 9-9-87
PLACE OF RE-EDUCATION: Z 30C and Z 30D THUONG CAMP AT HAM TAN
CAMP (Trai tu) MANAGER OF PRESS OVERVIEW SERVICES
PROFESSION (Nghe nghiep): PRIME MINISTER OFFICE
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): FURT BEGINING INFANTRY SCHOOL, COLUMBUS, GEORGIA
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1st COLONEL
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): MANAGER
Date (nam): 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): x
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 08
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 291 LE QUANG DINH ST.
BINH THANH, HO CHI MINH CITY VIETNAM.
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
THU PHUNG T. NGUYEN
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): x No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND
NAME & SIGNATURE: THU PHUNG T. NGUYEN
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
DATE: 12 22 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1	NGUYEN, THI TINH	10-04-30	SPOUSE
2	HUYNH, NGOC THANH	5-16-49	ELDEST SON
3	HUYNH, T. NGOC-TRINH	5-16-52	DAUGHTER
4	HUYNH, NGOC THAI	3-24-54	SON
5	HUYNH, T. NGOC-TUYET	6-08-57	DAUGHTER
6	NGUYEN, HUYNH DUY-VU	12-19-78	GRAND SON
7	NGUYEN, NGOC PHUNG	2-16-58	
8	NGUYEN, NGOC PHUONG	9-14-60	

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

PHUNG and PHUONG NGUYEN
20 PHAN VAN TRI ST, BINH THANH,
HO CHI MINH CITY VIETNAM.

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- 1.- Questionnaire for Applicants.
- 2.- PHOTO
- 3.- Copy of Release Certificate
- 4.- 08 copies of Birth certificates
- 5.- copy of divorce certificate.
- 6.- Copy of the ID card.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH NGOC THACH
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 08 18 1927
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): x
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 291 LE QUANG DINH ST, BINH-THANH,
 (Dia chi tai Viet-Nam) HO CHI MINH CITY, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 6-17-75 To (Den): 9-9-87

PLACE OF RE-EDUCATION: 2 30C and 2 30D THU DUC CAMP AT HAM TAN
 CAMP (Trai tu) MANAGER OF PRESS OVERVIEW SERVICES

PROFESSION (Nghe nghiep): PRIME MINISTER OFFICE
FIRST BEGINING INFANTRY SCHOOL

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): COLUMBUS, GEORGIA, USA

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Central Pacification & Development Center
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Manager of St. Coboncel
 Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): x

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 08
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 291 Le Quang Dinh St
Binh Thanh, Ho Chi Minh City, VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
THU-PHUNG T. NGUYEN

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): x No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND

NAME & SIGNATURE: THU-PHUNG T. NGUYEN
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 12 22 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1	NGUYEN, THI TINH	12-04-30	SPOUSE
2	HUYNH, NGOC THANH	5-16-49	SON
3	HUYNH, T. NGOC-TRINH	5-16-52	DAUGHTER
4	HUYNH, NGOC THAI	3-24-54	SON
5	HUYNH, T. NGOC TUYET	6-08-57	DAUGHTER
6	NGUYEN, HUYNH DUY-VU	12-19-78	GRAND SON
7	NGUYEN, NGOC PHUNG	2-16-58	
8	NGUYEN, NGOC PHUONG	9-14-60	

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

PHUNG and PHUONG NGUYEN
20 PHAN VAN TRI ST BINH THANH
HO CHI MINH CITY VIETNAM.

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- 1- Questionnaire for Certificate
- 2- PHOTO
- 3- Copy of Release Certificate.
- 4- 08 Copies of Birth Certificates
- 5- Copy of alivoree Certificate
- 6- Copy of the ID card.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001/GT-G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **Thủ Đức**
Số **114** - GRI

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA-TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số

13 ngày **31** tháng **8** năm **1987**

của **Bộ Nội Vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Huỳnh Ngọc Thạch**

Sinh năm 19 **27**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Gia đình**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **291 Lê Quang Định, Bình Thạnh,**

TP/ Hồ Chí Minh.

Can tội **Trung tá hành sở kiểm tra bảo phủ thủ tướng**

Bị bắt ngày **17/6/75**

Án phạt **TTOT**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **291 Lê Quang Định, Bình Thạnh, TP/HCM.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại của anh Thạch đã cố gắng, trung

lạc động, học tập và chấp hành nội quy trại có tiến bộ.

Tiền đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình:

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi cư trú

Trước ngày **11** tháng **9** năm **1987**

Lên tay ngôn

Của **Huỳnh Ngọc Thạch**

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Thạch

Ngày **9** tháng **9** năm **1987**

Giám thị



Thị trấn Bình Thạnh

Ông Huỳnh Ngọc Thạch là đến tỉnh trên
tại Phg 1

Đo, ngày 11/09/1987

P. Công

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH

ĐƠN LINH DIỆN

228

Ngày 11 tháng 9 năm 1987

Trên 100.000 đồng

[Handwritten signature]



HUYNH, NGOC THACH

Questionnaire for applicants.

To Mr Bruce A. Beardsley
Director of The Orderly Departure Program's Office
Bangkok Building
127 Sathorn Sai Road
Bangkok 10.120
Thailand

Section I. - Individual identification of the Principal Applicant

1. Name : HUYNH. NGOC. THACH

Other name : none

2. Date and place of birth : 18.8.1927 Giadinh

3. Nationality : Vietnamese

4. Residence - Address : 291 Le Quang Dinh street
Binh Thanh, HCM City

5. Mailing address : - " -

6. Profession : Officer of the A.R.V.N (Lieutenant Colonel)

Section II. - Description of past association of P.A.

(3) Employee of Vietnam (prior to 1975)

- Officer in GRUN or Officer in ARVN

TIME / GRADE	UNIT / Position	Supervisor or Commander	Date
2nd Lieutenant	506 TOKO Battalion	1st Lt. DANG NHU TUYET	June 1954
"	62nd VN Inf B?	Major NGUYEN VAN-Y	1954 - 1955
"	detached to Refugees Camp	1st Colonel DUONG VAN DINH	
"	Military Post Office	Colonel DO DINH THO	1955 - 1956
1st Lieutenant	Fort Benning School	General TRAINER	1956 - 1957
"	Armed Forces Language School (JGS)	Major Phan Thong TRANG	1957 - 1960
"	Central Intelligence Organization (C.I.O)	Commissioner NGUYEN VAN-Y	1960 - 1963
Captain	National Police Command	"	"

Captain	detained in jail.	After Diem's Coup	1963 - 1964
"	Released and assigned to 135 th Infantry Regiment	Lt Colonel Ngô. Thanh TÙNG	1964 - 1965
"	Saigon Transportation Terminal Command	Major TRẦN THIÊN. PHÙNG	1965 - 1967
"	J.O.C. - Joint General Staff	General TRẦN THANH. PHONG	1967 - 1969
Major	Vice-Chief of JGS Office	General NGUYỄN-UÂN. LÃ	1969 - 1971
Lt. Colonel	Central Pacification & Development Center Prime Minister Office	General CAO. HẢO. HỒN	1971 - 1975

(4) Former associate of US and interned in Reeducation Camps.

- Time spent in Reeducation Camps : from 17-6-1975 to 9-9-1987
- Name of Reeducation Camps, date, place :
 - Long Thành Camp (called 16 NV) 17-6-1975 to 4-11-1976
 - Phu-Sơn 4 from 1976 to 1979 at Bắc Thái province North VN.
 - Nam-Hà Camp (C Detachment) from 1979 to 1982 at Hà Nam Ninh Province (NVN)
 - Z 30^C Camp from 1982 to 1985 at Hải Tân, Thuận Hải Province (Central VN)
 - Z 30^D Thủ-Dức Camp from 1985 to 9-9-1987 at Hải Tân
- Former student in United States or abroad under US Government sponsorship.

- School : Fort Benning Infantry School

- Location : Columbus, Georgia

as... Interpreter at the Automotive Department (Captain CORCORAN)

- Date of employment or training : 1956 - 1958

6. Aspiration ..

- I warmly request that :

My name and those of my family members would be listed in the Visa of Entry Working List (VEWL)

and in your letter of introduction. (LOI)

- The present social and economic situation at VN is not suitable for us (We had a great deal of relations with the last regime and the U.S Government)

Section III.

I am filling the questionnaire for the following relatives still in VN to come to the United States under the sponsorship of the US Government as Political Refugees

Name of Dependant Accompanying Relatives	Date & Place of Birth	Relationship to P. A.	Address in Vietnam
1. NGUYEN-THI-TINH	4.12.1930 Giadinh	Spouse	291 Le Quang Dinh Binh Thanh, HCM City
2. HUYNH-NGOC-THANH	16.5.1949 Saigon	Elderest son	- " -
3. HUYNH-THI-NGOC-TRINH	16.5.1952 - " -	Daughter (divorced)	- " -
4. HUYNH-NGOC-THAI	24.3.1954 - " -	Son	- " -
5. HUYNH-THI-NGOC-TUYET	8.6.1957 - " -	Daughter	- " -
6. NGUYEN-HUYNH-DUY-VU	19.12.1978 Binh Thanh	Nephew (Son of Trinh)	- " -
* 7. NGUYEN-NGOC-PHUNG	16.2.1958 Saigon	Sister, daughter of my foster father	20 Phan Van Tri Binh Thanh, HCM City
* 8. NGUYEN-NGOC-PHUONG	10.9.1960 Saigon	- " -	- " -

Additional Information.

The following are the names of some US advisors that had close relation during my service in the ARVN.

- Lieutenant Colonel Thomason, Transportation Branch, advisor at the Saigon Transportation Terminal Command in 1966-1967
- Sergeant Reimann - " -
- Captain Brady at JOC - JGS in 1967-1968
- Colonel Coggins " "
- Mister Huss, Major Sauvageol, Mr James Green, Mister Shepley, Mister Johnson, Mr Jacobson at the Prime Minister

Office from 1971 to 1975

Binh Chau, October 1st 1988

Enclosed

- Photo
- Copy of Release Certificate
- Copy of Marriage Certificate
- 2 Copies of Birth Certificate
- Copy of Divorce Certificate
- Copy of The ID Card

Paul

Colonel Nguyen Ngon Chach

* . . . (To whom it may concern) (Relating to my two sisters)

I avail of this opportunity to submit a request for an additional list of my relatives to be accompanied with me to the United States of America.

- Misses :- NGUYỄN - NGOC - Phung, born in 1958 son

- NGUYỄN - NGOC - Phuong, born in 1960 son

daughters of my uncle, Master Nguyễn Văn Mui, a Police lieutenant at the 1st and 3rd precinct, Saigon, Vietnam, retired in 1975, toward whom I should have a deepest gratitude. Mr. Mui has been served in the Police 29 years (1944)

Master Mui, my uncle has brought me up since 1940 after the death of my own mother, his sister, while my own father has married his second wife. He was the only member of my large family who has much contributed in the growing up of my young sisters and myself since our childhood.

Particularly, during my 12 years and a half in the Communist Reeducation Camps, my uncle which I have considered as my foster-father as well as his family have provided all necessary cares, food supplies and good advises that I am still alive at this present moment to be on the list of the Political Refugees to the United States.

The acceptance of NGUYỄN - NGOC - Phung and NGUYỄN - NGOC - Phuong as an additional list of my relatives would help me to fulfill my duty and responsibility of a foster-child toward my uncle.

With my warmest thanks I remain

Very sincerely yours -

Col. Colonel THUMB NGOC THACH

Số
CHUNG NHẬN QUÂN VŨ DÂN CHÁNH

Khoản 1, Điều 1, Luật Quân VŨ DÂN CHÁNH
Ngày 9 tháng 1 năm 1958

U. N. D. Phương



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-QUỐC

Số 01002972

Họ Tên NGUYỄN-THỊ-TỈNH

Ngày, nơi sinh 04-12-1930
Bình-Hoa-Gia-Dịnh

Mẹ Nguyễn-Thị-Bé

Địa chỉ 742/118 Lê-Q-Dinh GD

Dấu vết riêng:

- Tàn nhang đuôi máy trái

Cao: 1 th 55 N2

Nặng: 111 Kg

Chữ ký đóng sự:



GỎ-VẤP ngày 24-03-1969

TRƯỞNG-CHI CSQG GỎ-VẤP



NGUYỄN-VAN-NHIỀU

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



QUỐC - GIA VIỆT - NAM

NAM - VIỆT

ĐÔ - THÀNH SAIGON - CHOLON

QUẬN nhì

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

BIÊN LAI KHAI SANH SỐ 3163
(Phát cho không)

Tên, họ đứa nhỏ

Huỳnh ngọc Chai

Trai hay gái

Sanh ngày 24 tháng 3 năm 1954

Tại Quận nhì SAIGON - CHOLON.

đường Phan thanh Giản, số 74

con của Huỳnh ngọc Chai

và của Trần Văn Bình

Đứa nhỏ mới sanh này phải đem trồng trái trong **TẤM** ngày. Nếu dể trễ thì cha mẹ phải bị buộc tội.

Trồng trái ở các nhà thương thí hoặc phòng Vệ-sanh ở Đô-Thành khỏi phải trả tiền chi cả.

Ghi vào hộ, ngày 27 tháng 3 năm 1954

Nghi-Trưởng Hội Đồng Quận nhì



Trần Văn Nhân
Tổng Thư-Ký

LỜI DẶN: Cha mẹ đứa nhỏ phải giữ giấy biên lai này, hầu tiện việc xin sao-lục khai sanh.

Bản số: 3786bis

★

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn Ngọc Thành
Phái	masculin
Ngày sanh	le seize mai mil neuf cent quarante neuf à 1949
Nơi sanh	Saigon, 20 rue C. Grimaud
Tên, họ người Cha	Nguyễn Ngọc Thạch
Nghề-nghiep	secrétaire
Nơi cư-ngụ	Saigon, 983, rue Phan thanh Gian
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Tĩnh
Nghề-nghiep	secrétaire
Nơi cư-ngụ	Saigon, 983, rue Phan thanh Gian
Vị chính hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH: 1.6

Saigon, ngày 13 tháng 3 năm 1973

T.U.N. ĐỒ-TRƯỞNG SAIGON

CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Luê

Việc này được



TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập tự do hạnh phúc

Việc dân sự

Thụ lý: 87/TL

Ngày 10.3.1986

() QUYẾT - () LỜI

CÔNG NHẬN VIỆC THUẬN TÌNH LY HÔN

NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH

Thuận tình ly hôn

NGUYỄN VĂN DẤU

Quyết định: 87/TL

Ngày 12.5.1986

/-/ Hôm nay, ngày 12 tháng 5 năm 1986, hồi 8 giờ 00

Khung tối : NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN, Thẩm phán

có cô : HỮA XUÂN MAI, thư ký ngồi tại phòng dân sự Tòa án

nhân dân quận Bình Thạnh để xét việc ly hôn giữa các đương sự

--Kép tên là : NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH, 35 tuổi

Nghề nghiệp: Buôn bán

Nghụ tại : 191 Lê Quang Định phường 7 Bình Thạnh

--Bên kia là : NGUYỄN VĂN DẤU, 37 tuổi

Nghề nghiệp: Làm rẫy.

Nghụ tại : 230 Phan Văn Trị phường 10 Bình Thạnh.

/)/ ỘI DUNG SỰ VIỆC

Anh DẤU và chị TRINH tự nguyện xây dựng gia đình năm 1977 không lập hôn thú
cố với nhau 1 con chung. Hạnh phúc vợ chồng được 7 năm q. Đến năm 1984 xảy ra mâu thuẫn
nguyên nhân chính là do giới bên bắt hòa với nhau ở lại quán tiệm, anh DẤU có gia
tình khác từ đó hạnh phúc bị sức ép trầm trọng và cũng đã có thời gian ly thân nhau
2 năm. Nay trước Tòa anh chị, thống nhất yêu cầu Tòa giải quyết cho được ly hôn
đứt kneát.

Về con chung : Hai bên thỏa thuận : anh DẤU nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN TRINH DUY VŨ sinh năm 1974

Hàng tháng chị TRINH đóng góp phí tiền nuôi con là 100 đồng (một trăm) Bất tần thi
hành từ tháng 3/1986 tiền sống tại Tòa. Cấp cho tên chị con chị đến tuổi trưởng thành

...2.../

VỀ TÀI SẢN : không có gì giải quyết.

Ha kết việc ly hôn giữa anh MÃU và chị TRINH trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện ,

Căn cứ điều 25 , 11, 12 , 13 luật hôn nhân gia đình ban hành ngày 11.1.1960.

Căn cứ điều 16 luật tố chức Tòa án nhân dân cấp tỉnh ngày 11.7.1981 quy định thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp quận.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

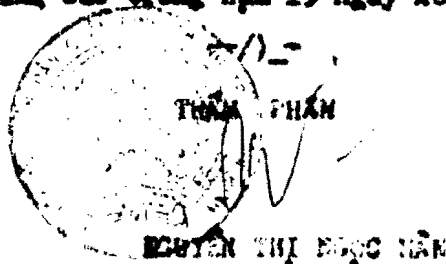
(T) QUYẾT - (T) LỜI

1/- VỀ QUAN HỆ VỤ CHUNG : Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh NGUYỄN VĂN MÃU và chị NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH.

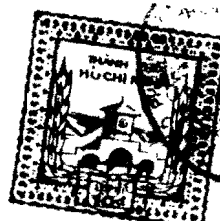
2/- VỀ CON CHUNG : Công nhận sự thỏa thuận chung giữa đôi bên chị anh MÃU nuôi dưỡng trẻ : NGUYỄN VĂN DUY Vũ sinh năm 1978 , hàng tháng chị TRINH đóng góp phí nuôi con là 100 ngàn (Một trăm) Đồng, từ tháng 3/1/85 tiền đóng tại Tòa .Còn cho đến khi con chị đến tuổi trưởng thành, chị TRINH tự nguyện nuôi và chăm sóc con. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết đôi bên được quyền thay đổi nuôi con và góp phí nuôi con.

Án phí 10 ngàn mỗi bên đóng phân nửa.

Quyết-Định này có giá trị như 1 bản án. Báo cho đôi bên được sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết-Định.



SỐ
CHÍNH SÁCH CÔNG Y BẢN CHẤ



Chị Nguyễn Thị Ngọc Trinh

Bản số: 376/-A

★

H Ộ - T Ị C H

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

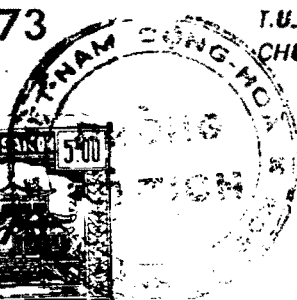
Năm một ngàn chín trăm năm mươi hai (1952)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn thị Ngọc Trinh
Phái	Nữ
Ngày sanh	ngày mười sáu tháng năm, năm một ngàn chín trăm năm mươi hai, 9g
Nơi sanh	Saigon, 74, đường Phan thanh Gian
Tên, họ người Cha	Nguyễn Ngọc Thạch
Nghề-nghiệp	thợ kỳ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 900, đường Phan thanh Gian
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Tấn
Nghề-nghiệp	mai trư
Nơi cư-ngụ	Saigon, 900, đường Phan thanh Gian
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH: 11.6

Saigon, ngày 3 tháng 3 năm 1973

1973



T.Ư.N. ĐỒ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Luê

KHỦ-THI-VINH

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận, **Nhi**Số hiệu: **4112.A**

*

HỘ - TỊCH**LÀNH.5****TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH**Năm một ngàn chín trăm ~~ba mươi~~ năm mươi bảy (1957)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	HUYNH THI NGOC TUYET
Phái.	nữ
Ngày sanh	Tam tháng sáu năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy, 9g30
Nơi sanh	Saigon 153/57 Hong thap Tư
Tên, họ người Cha . .	HUYNH NGOC THACH
Tuổi.	Ba mươi
Nghề-nghiệp.	Trung IV
Nơi cư-ngụ	Gia đình 125A Phan van Tư
Tên, họ người Mẹ. . .	HOUYEN THI TINH
Tuổi.	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp.	Nơi trư
Nơi cư-ngụ	Gia đình 125A Phan van tư
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày **12** tháng **6** năm 19**57**

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH :

Saigon, ngày **18** tháng **8** năm 19**6**
T.L. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN **NHI**

CHÍNH-SƯ KƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

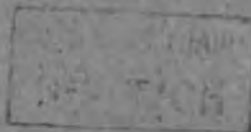
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Xã, thị trấn P.7
Thị xã, quận BT
Thành phố, tỉnh HCMBẢN SAO
GIẤY KHAI SANHSố 229
Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	NGUYỄN HUỖNH DUY VŨ		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	Ngày 19 tháng 12 năm 1978		
Nơi sinh	Bệnh viện Nhân dân GP		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN ĐẦU 1952	HUỖNH THỊ NGỌC TRINH 1952	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Nối trọt	
Nơi ĐKNK thường trú	Thanh Mỹ Lợi Thủ Đức	271 Lê Quang Định	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng mệnh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Văn Đầu		

NHÂN THỰC SAO Y BAN CHANH
Ngày 19 tháng 8 năm 1988
THỦ BƯỞI QUAN BÌNH THANHĐang ký, ngày 27 tháng 12 năm 1988
TM/UBND BT ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

NAM-PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chính Quận Ba

H/3

Số hiệu 1598

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM Một ngàn chín trăm năm mươi tám (1958)

Nhà in Inh, Ng.-V. Sài Gòn, 6 60 DT

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn ngọc Phụng
Phái	Nữ
Ngày sanh	Mười sáu tháng hai năm một ngàn chín trăm năm mươi tám, 14 giờ 15
Nơi sanh	Saigon, 220 đại lộ Trần quang Khải
Tên, họ người cha	Nguyễn văn Mùi
Tuổi	Ba mươi tám tuổi
Nghề-nghiệp	Thẩm sát viên thành thị
Nơi cư-ngụ	Saigon, 130 đường Trần quang Khải
Tên, họ người mẹ	Hồ thị Lộc
Tuổi	Ba mươi sáu tuổi
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 130 đường Trần quang Khải
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

lập tại Saigon, ngày 21 tháng 2 năm 19 58

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Saigon, ngày 7 tháng 9 năm 19 60

Quận-Trưởng, Quận Ba,

ĐO. THANH SAIGON

Tòa Hành-Chính Quận Nhứt

Số hiệu 3808

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai (1962)

Tên, họ đứa nhỏ	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG
Phái.	nữ
Ngày sanh	Mười bốn tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai; 12g40
Nơi sanh	Saigon, 220 Trần quang Khải
Tên, họ người Cha . . .	Nguyễn-văn-Mùi
Tuổi.	42
Nghề-nghiệp.	Thăm-sát-viên
Nơi cư-ngụ	Saigon, 12 Bến Bạch-Đằng
Tên, họ người Mẹ. . .	Hồ-thị-Lộc
Tuổi.	40
Nghề-nghiệp.	nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 12 Bến Bạch-Đằng
Vợ chánh hay thứ. . .	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 19 tháng 9 năm 1962
VS/3

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH :

Saigon, ngày 25 tháng 8 năm 1970

M.T. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN Nhứt

Phó Quận-Trưởng,

VÔ-TÂN-THỌ
Phó Đốc Lý

Số hiệu 384

(1)

NAISSANCE

Sanh

Fnp. Bn. Ng. van-Viet, Saigon 14-DF 31-53

Nom et prénom de l'enfant	Huynh-Ngoc-Thach
Tên họ đứa con nít	
Son sexe	Nam
Nam, nữ	
Date de naissance.	Le 18 Aout 1927
Sanh ngày nào.	
Lieu de naissance.	Binh-hoa-xa
Sanh tại chỗ nào.	
Nom et prénom de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué)	Huynh-van-Tho
Tên họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	
Sa profession	Radiotiste
Cha làm nghề gì	
Son domicile	Binh-hoa-xa
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénom de sa mère	Nguyen-thi-Phu
Tên họ mẹ	
Sa profession	Lam viec nha
Mẹ làm nghề gì	
Son domicile	Binh-hoa-xa
Nhà cửa ở đâu	
Son rang de femme mariée	Vo chanh
Vợ chánh hay là vợ thứ	
Nom et prénom du déclarant	Huynh-van-Tho
Tên, họ người khai	
Son Age	22 tuoi
Mấy tuổi	
Sa profession	Radiotiste
Làm nghề gì	
Son domicile	Binh-hoa-xa
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénom du 1 ^{er} témoin	Nguyen-van-Cui
Tên, họ người chứng thứ nhất	
Son Age	28 tuoi
Mấy tuổi	
Sa profession	Ajusteur
Làm nghề gì	
Son domicile	Binh-hoa-xa
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénom du 2 ^e témoin	Nguyen-van-Mieng
Tên, họ người chứng thứ nhì	
Son Age	39 tuoi
Mấy tuổi	
Sa profession	Ajusteur
Làm nghề gì	
Son domicile	Binh-hoa-xa
Nhà cửa ở đâu	

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Là chứa đề mà lược biên án tòa cải giấy khai sanh lại.

A Gia-dinh, le 20 Aout 1927

Tại, ngày 20 1927

Le déclarant,
Người khai,L'Officier de l'Etat Civil,
Chức viên coi bộ dôi,Les témoins,
Các người chứng,

Tho

Illisible

Cui ; M4

Wm 7162



MARIAGE DU 1^{er} DEGRÉ

Hôn thú bậc nhất

So liên 23
Đang chờ chờ chờ
Đang chờ chờ chờ
Đang chờ chờ chờ



Vu pour légalisation de la signature de S. N. N. N.

L'Administrateur-Délégué



Nom et prénoms de l'époux Tên họ người chồng.....	Nguyễn. Ngọc. Chanh
Sa profession..... Làm nghề gì.....	Functionnaire au S. G. G.
Lieu de sa naissance..... Sanh tại chỗ nào.....	Bình hòa xã (Cố định)
Date de sa naissance..... Sanh ngày nào.....	Le 18 Août 1927
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	de l'époux ou décédé).
Nom et prénoms du père (indiquer s'il est vivant) Tên họ cha chồng (sống) Sông	Nguyễn. Văn. Chanh (sống)
Son âge..... Mấy tuổi.....	12 ans
Sa profession..... Làm nghề gì.....	Journalier.
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Saigon
Nom et prénoms de sa mère (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên họ mẹ chồng (sống) Sông	Nguyễn. Thị. Chanh (chết)
Son âge..... Mấy tuổi.....	
Sa profession..... Làm nghề gì.....	
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux Tên họ chủ hôn bên tr	Nguyễn. Văn. Chanh
Son âge..... Mấy tuổi.....	12 ans
Sa profession..... Làm nghề gì.....	Journalier
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Saigon
Nom et prénoms de l'épouse Tên họ người vợ.....	Nguyễn. Thị. Chanh
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ.....	1 ^{er} rang
Sa profession..... Làm nghề gì.....	Ménagère
Lieu de sa naissance..... Sanh tại chỗ nào.....	Bình hòa xã (Cố định)
Date de sa naissance..... Sanh ngày nào.....	Le 18 Décembre 1936.
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Chanh hòa xã
Nom et prénoms du père (indiquer s'il est vivant ou décédé) Tên họ cha vợ (sống chết) Sông	Sông
Son âge..... Mấy tuổi.....	
Sa profession..... Làm nghề gì.....	
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	

ge réservée
la mention, en
umé, des juge
ous rectificatifs des
les de l'état civil.
(1) L'Etat de ma
luer à la loi
l'Etat.

Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói).	Nguyễn Thị Bê
Son âge — Mấy tuổi	38 ans
Sa profession — Làm nghề	Đềnagogue
Son domicile — Nhà cửa ở	Qu. Thanh Xá
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux Tên, họ chủ hôn bên gái	Nguyễn Thị Bê
Sa profession — Làm nghề	Đềnagogue
Son domicile — Nhà cửa ở	Qu. Thanh Xá
Nom et prénoms de l'entrepreneur du mariage Tên, họ người làm mai	Đềnagogue
Son âge — Mấy tuổi	Đềnagogue
Sa profession — Làm nghề gì	Đềnagogue
Son domicile — Nhà cửa ở	Đềnagogue
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Hùng
Son âge — Mấy tuổi	Đềnagogue
Sa profession — Làm nghề gì	Đềnagogue
Son domicile — Nhà cửa ở	Đềnagogue
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ hai	Nguyễn Văn Chấn
Son âge — Mấy tuổi	37 ans
Sa profession — Làm	Journaux
Son domicile — Nhà cửa ở	Qu. Thanh Xá

A Qu. Thanh Xá lo 19 Février 1949
Tet Giacinh ngay 19

Les époux,
Vợ chồng,

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Thị Bê

L'Entremetteur,
Mai nhân,
Đềnagogue

Les pères et mères,
Cha mẹ hai bên,

Nguyễn Văn Chấn (sống)
Nguyễn Thị Bê (chết)
Đềnagogue
Nguyễn Thị Bê (sống)

L'Officier de l'état-civil,
Chức việc coi bộ đời,

Signé: Năm

Sau lễ cưới năm 1949
Đềnagogue

Les personnes qui

Các người procède au mariage,
Chủ hôn,

Nguyễn Văn Chấn
Nguyễn Thị Bê

Les témoins,

Các người chứng,

Nguyễn Văn Bân
Nguyễn Văn

Nota. — Des blancs non utilisés devront être
Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải

plus par un trait,
kéo một nét.

Thưa chị thơ

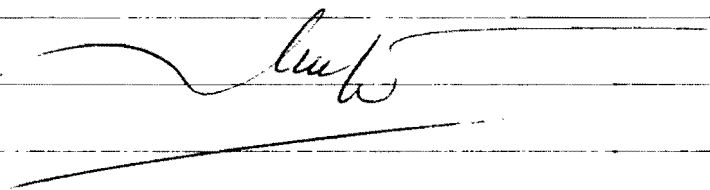
Mấy người bạn từ nhà mình đi
Việt Nam có gì? họ sẽ nhớ tới
dum đến họ. Gia đình từ nhà mình
đi Việt Nam để nhớ lòng đại lượng hai
nhà của chị và họ. giúp dum, vì họ
không có thân nhân ở nước Mỹ

Họ sẽ của họ có bây nhiêu, họ
đều gởi tài cho họ. nên có thể sẽ
cần lắm tục xin chị và họ. xin lỗi
chị biết.

Ngoài ra anh nguyên Tân Giao
cũng người quê Sadeo. nên chị nên
anh may ra chị có thể nhớ lại là
lưu học cũng giúp cũng nên.

Xin thành thật cảm ơn chị và chị

Thư Phụng



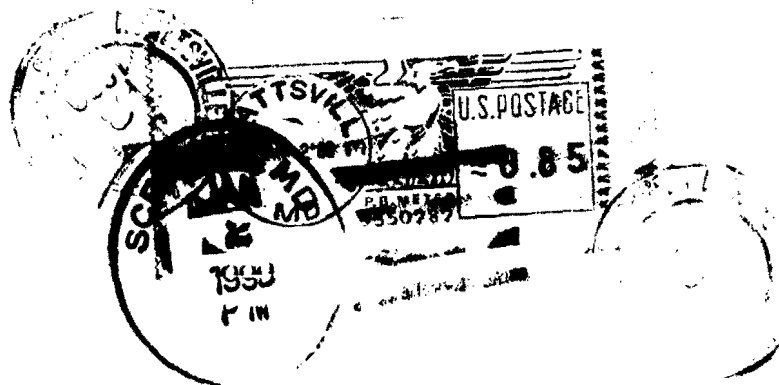
HDYNH, NGOC THACH

h

7

7

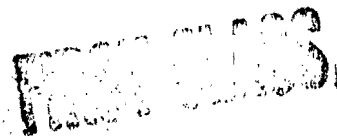
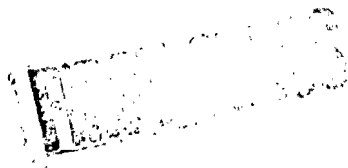
THUPHUNG T. NGUYEN



Kg. Hoi Gia Dinh Tu Nhan CT. VN.
P.O Box 5435, Arlington

JAN 6 1990

VA. 22205-0635



LÊ-ĐÌNH VONG
BX 819.919. BLD 6201
PRPC - PO BOX 7635
NAIA - PASAY CITY 1300
PHILIPPINES

MAY 22 1989

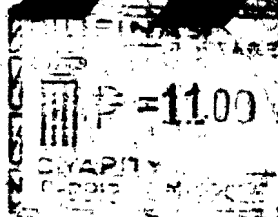
VIA AIR MAIL

9/87

Xem danh sách
để trả lời

TO: MRS KHUC MINH THO
Family of Vietnamese Political Prisoners
ASSOCIATION - PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22203

U.S.A



6 Tĩnh Uông
BV 819. 919. BLD 620
PRPC PO BOX 7635
NADA-Pasay City 1300
Philippines.

Ngày 15. 5. 1989.
Kính gửi:
Bà Chúc Minh Thọ
Chị Bích Hải - Chị Quỳnh
Chị Đại Việt Nam.

Kính thưa bà.

Tôi rất hạnh phúc khi nhận được thư kính chúc bà
cùng quý họ sức khỏe như thường cũng thấy lòng
mỗi chữ viết và cũng thấy được một số
bản báo cáo về quá trình các cấp để đưa
từng cái vào cơ thể cấp sản xuất và
cũng như ở hai tỷ lệ này thấy với con số thực tế
và bằng cảm xúc của chúng tôi đối với người
nhân dân và bằng vì thế họ sinh ra một số
bà và quý họ để nhiều hình thức của quan tâm
đến tư tưởng em ở Quan, cũng thấy họ sinh ra
hướng đến một cái thấy một quá trình
hợp 14 năm trong các cấp sản xuất để
một mặt quá trình từ một lần đến một lần
tôi và gia đình có may mắn hơn bạn chúng tôi
còn lại bên gia đình, hiện thấy thấy được cấp sản
cũng vì ý nghĩ ấy và niềm tin hy vọng của họ cũng ra
đi được. Do đó tôi đã may mắn theo rất nhiều
sở mà họ yêu cầu gửi đến Bangkok. Trong số
họ số, tôi may mắn thấy có một họ số của
anh bạn số chủ kỳ mà tôi là người biết rõ
lý lịch ấy qua thời gian ở chung một thời
điểm sau cùng tại Kham Tân Phonsi.

Tôi rất hạnh phúc gửi họ số này đến Quý họ
và biết rằng bà cũng rất can thiệp hiểu
cho anh bạn tôi. Hay là ngược lại và gia
đình anh ấy sớm đạt được ước nguyện. Nếu còn
bổ sung thêm, biết xin bà gửi thư tiếp theo
theo đó. Chỉ gửi trong đó. Hết
Đảm bảo bình an cho bà.

Le. Anh Vong
BV 819. 919 - BLD 6201
PRPC - PO BOX 7635
NAIA - Pasay City 1300
Philippines

Giấy xác nhận

Tôi ký tên dưới đây:
Le. Anh Vong : BV 819. 919
ĐHQ. CH : 6201 PRPC - PO BOX 7635
NAIA - Pasay City 1300
Philippines.

Có mặt: Huỳnh Ngọc Thạch
Cử nhân tại IQOL VN CH
Đã ở cùng 2 trai cái ở tại với
tôi từ 1975 đến 1983 qua các trại
Đã có sổ chung: LONG THÂN -
Phú Sơn & Bồng Thái - Nam Hà (Hà
Nam Ninh) và Hàm Tân (Phan Thiết)

Người thứ 2 có mặt lý lịch anh
Huỳnh Ngọc Thạch và tôi ở cùng
các trại như trên là anh:

NGO. ĐỨC AM ĐHQ. CH? 822 F
PRPC. PO BOX 7635
NAIA - Pasay City 1300
Philippines

Làm tại Bateman PRPC ngày 15 May 89



Le. Anh Vong

Questionnaire for applicants.

Mr Bruce A. Beardsley, Director
Orderly Departure Program's Office
Banjallun Building
127 Sathorn Sai Road
Bangkok 10.120
Thailand

Section I. - Individual identification of the Principal Applicant (P.A.)

1. Name : HUYNH-NGOC-THACH
Other name : none
2. Date and place of Birth : 18-8-1927 Gia. tinh
3. Nationality : Vietnamese
4. Residence - Address : 291 Le Quang Dinh Street
Binh Thanh HCM City
5. Mailing address : - " -
6. Profession : Officer of the ARVN

Section II. - Description of past association of Principal applicant :

- (3) Employee of Vietnam (prior to 1975)
- Officer in GRVN or officer in ARVN

Title / Grade	Unit / position	Supervisor or Commander	Date
2nd Lieutenant	506 TONK B?	Lt. Đặng Khue Tayet	June 1954
"	62nd VN B?	Major Nguyen van Ly	1954-1955
"	detached to Refugee Camp	Lt Colonel Duong van Minh	
"	Military Post Office	Colonel Do Duc Tho	1955-1956
Lieutenant	Fort Benning School	General Trainer	1956-1957
"	Armed Forces Language School (JGS)	Major Phan Thong TRONG	1957-1960
"	Central Intelligence Organization	M ^r Nguyen van Ly	1960-1963
Captain	CTO & National Police Command	- " -	- " -
- " -	" In jail "	After Diem Corp	1963-1964
"	135th Regiment	Ng ^s Thanh Tung Lt Colonel	1964-1965
"	Saigon Transportation Terminal Command	Major Tran Thien Phuong	1965-1967
"	J.O.C - JGS	General Tran Thanh Phong	1967-1969

Major	Vice Chief of JCS office	General Nguyen Van La	1969-1971
Lieutenant Colonel	Central Pacification Prime Minister Office	General Cao Hân Hôn	1971-1975

(4) Former associate of US and interned in Reeducation camps

- Time spent in Reeducation Camps: From 17-6-1975 to 9-9-1987
- Names of Reeducation Camps, date, place:
 - Long Thành camp. 17-6-1975 to 4-11-1976
 - Phú Sơn H from 1976 to 1979 at Bắc Thái
 - Nam-Hà "C" camp from 1979 to 1982 at Hà Nam Ninh
 - Z.30^C camp from 1982 to 1985 at Hàm Tân
 - Z.30^D camp from 1985 to 1987 at Hàm Tân
- Former student in United States or abroad under US Government sponsorship
 - School: Fort Benning Military School
 - Location: Georgia
 - as Interpreter for Allied Course.
 - Date of employment or training 1956-1959

6. Aspiration..

My name and the names of my family members would be listed in the Visa of Entry Working List (VEWL) and in your letter of introduction (LOI)

- The present social and economic situation at VN is not suitable for us (We had a great deal of relations with the last regime and the US Government)

Section III, - I am filling the questionnaire for the following relatives still in VN to come to the U.S under the sponsorship of the US government as Political Refugees.

Name of dependant/ accompanying relatives	Date & Place of birth	Relationship to P.A	Address in VN
Nguyễn Thị Tuyết	4.12.1930 Girdip	Wife	291 Le Quang Diêu Bui Thau Hem City
Nguyễn Ngọc Thau	16.5.1949 Sgon	Eldest Son	- u -
Nguyễn Thị Ngọc Phinh	16.5.1952 "	Daughter	- u -
Nguyễn Ngọc Thái	24.3.1954 "	Son	- u -
Nguyễn Thị Ngọc Trại	8.6.1957 "	Daughter	- u -
Nguyễn Huỳnh Duy Văn	19.12.1978 BT	Nephew Son of Trại	- u -
Nguyễn Ngọc Phung	16.2.1958 Sgon	My Sister	20. Phan Văn Trại Bui Thau (Daughter of my foster father)
Nguyễn Ngọc Phóng	14.9.1960 Sgon	Sister (Daughter of my foster father)	- u -

- Additional Information

The following are the names of some US advisors that had closer relation during my service in the ARVN.

- Lieutenant Colonel Thomson, advisor at the STTC (Sgon Transportation Terminal Command) in 1966-1967
- Sergeant Reimann
- Captain Brady at JOC-JGS - 1967-1968
- Mc Huss, Mc Sauvageot, Mc James Green, Mr Shepley
- Mc Johnson, Mc Jacobson at the Prime Minister Office 1971 to 1975.

Bui Thau July 1988

Enclosed

- Copy of release Certificate
- Birth certificate of P.A's accompanying family.
- Photos.

Lt Col Nguyễn Ngọc Thau

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 114 CRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2563 ngày 27 tháng 11
năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 13 ngày 31 tháng 8 năm 1987

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Huỳnh Ngọc Thạch

Sinh năm 19 27

Các tên gọi khác

Nơi sinh Gia Định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 291 Lê Quang Định, Bình Thạnh,

TP/ Hồ Chí Minh.

Can tội Trung tá chánh sở kiểm tra bảo phủ thủ tướng

Bị bắt ngày 17/6/75

Án phạt TTQT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 291 Lê Quang Định, Bình Thạnh, TP/HCM.

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại của anh Thạch đã cố gắng, trung

thực, động, học tập và chấp hành nội quy trại có tiến bộ.

Tiền đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình:

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi cư trú

Trước ngày 11 tháng 9 năm 1987

Làm tay ngón
Của Huỳnh Ngọc Thạch
Danh bìn số
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Thạch

Ngày 9 tháng 9 năm 19 87



Thiếu tá Trần Văn Như



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Huynh Ngoc Thach
Last Middle First
- Current Address 291 Lê Quang Định, Q. Bình Thạnh, T/p HCM
- Date of Birth 1927 Place of Birth Già Định
- Previous Occupation (before 1975) Lt. Colonel
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/17/75 To 09/09/87
3. SPONSOR'S NAME: F.V.P.P.A
Name
- See above
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại **Thủ Đức**
Số **114** - GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **13** ngày **31** tháng **8** năm **1987**

của **Bộ Nội Vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Huỳnh Ngọc Thạch** Sinh năm 19 **27**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Gia đình**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **291 Lê Quang Định, Bình Thạnh, TP/ Hồ Chí Minh.**

Can tội **Trung tá hành sở kiểm tra bảo phủ thủ tướng**

Bị bắt ngày **17/6/75** - Án phạt **110T**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **291 Lê Quang Định, Bình Thạnh, TP/HCM.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại của anh Thạch đã cố gắng, trong

la, động, học tập và chấp hành nội quy trại có tiến bộ.

Tiền đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình:

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **11** tháng **9** năm **1987**

Nơi cư trú

Lấn tay ngón trái

Của **Huỳnh Ngọc Thạch**

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Thạch

Ngày **9** tháng **9** năm **1987**



Thị trấn Bình Thạnh

[illegible]

- hà sẽ giữ cam kết phân đoạn này về huy hợp đặc biệt này. Từ khi, cần
về sẽ Kg cần giữ đến ba Ngươn chỉ của nó nữa, và chỉ cần đây gọi cho Ngươn
nữa làm gì. Từ hết hết tin này ở chỉ mà thôi, và xin chỉ giúp thêm.
Rừng ba Ngươn thì chỉ chỉ cần gọi đi biệt từ chỉ về anh BAKH là đủ, để
như BAKH cho biết từ chỉ chính xác của các bạn bên đó.
- 29/ Từ đây hoàn toàn thay đổi về gọi đây cho dự tính tương
hợp một đi chỉ giúp thêm.
- 30/ Từ đây anh Trung tá TA VAN SAU. Đã có IV 15 11 4 3 2,
đó là có gọi bắt từ 1 giây ra từ 1983 đến nay ra đây. Đến chỉ xem lại gần
đây sao cho đến nay vẫn chưa có lời. Từ đây gồm có 3 người: Tạ Văn Sinh,
Võ Thị Anh Tuyết (vợ) và Tạ Cao Thập (con) - đó em là Võ Quốc Hùng đứng
bên phải. Tất cả họ là hình ảnh này của Hùng và Võ Văn Phím (cha)
(điện thoại 2 H - 5806023 của ông Phím và 2 H - 2725731 của anh Hùng)
mà em gọi kèm theo để cho chỉ 1 bản báo giấy ra đây về anh Sinh.
- 31/ Từ đây anh Nguyễn Văn Trừng. Đã gọi đến 2 lần Ké thay
tên này. Tên này như chỉ xin lại, và thay từ đó là, như chỉ là lại hết rồi như
từ đây.
- 32/ Từ đây anh Nguyễn Văn Thanh. Ra đây 1 lượt với lời, đó có gọi
ngay ra đây qua ODP nhưng không thấy trả lời. Hôm nay gọi kèm theo này ở bên
như như chỉ nhắc lại xem có IV hay lời gì chưa?
- 33/ Từ đây anh Vĩnh Tường. Sinh 28/12/33. Xin được chính xác chỉ
IV 63473. em IV 4/32 cùng anh Trần Phấn Khanh TP HCM
đến chỉ như 79/1. Tổ tiên thành E13/010. TP HCM
- 34/ Từ đây anh Xuân, từ đây IV 208394 - (có giấy kèm theo).

Chỉ BAKH, anh em bên này cần nhận thấy hợp qua thông tin ra từ từ 6 năm
trước đây, có người có IV, Ké lời, có người Ké lời, có người Ké lời, tất cả đều cùng một
lý do như được nói VN, Ké lời và Ké lời không phải là. Tuy nhiên với Ké lời này
vẫn nghĩ nghĩ thấy đây, có những ai đang đợi muốn anh em làm câu đi thăm hỏi có
quản thích gì quá, từ đây thay cho tôi bây giờ ở ngoài này, để anh em biết, yên tâm
chỉ đây. Mọi chỉ thay đổi ở Reception room - Chỉ chỉ về cho đơn vị. Nghe

Former Political Prisoners of Communist VietNam Association

HỘI CỤ TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in VietNam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A.- GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) HUYNH - NGOC - THACH

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: M Date of Birth Aug/18/1927 Place of birth Gia Định

(Phái) (Ngày sinh)

(Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit Lieutenant Colonel - Central Pacification Prime Minister office

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B.- ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: June 17, 1975 at Saigon

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Long Thành, Phú Sơn (Bắc Thái), Nam Hà "C" (Hàn Ninh)

(Tên, địa điểm các trại giam)

Z 30C (Hàm Tân) Z 30D (Hàm Tân)

3. Date of release or still in camps: released on September 9, 1987

(Ngày được thả hay còn bị giam) (in total 12 years 2 months and 23 days in gaol)

C.- FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children: NGUYỄN-THỊ-TÌNH (wife)

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

* HUYNH-NGOC-THANH (son) [please see following page] HUYNH-THI-NGOC-TRINH (daughter)

HUYNH-NGOC-THAI (son) HUYNH-THI-NGOC-TUYET (daughter) NGUYỄN-HUYNH-DUY-VU (grand son)

son of NGOC-TRINH

3. Address of family: 291 - LÊ-QUANG-ĐÌNH, 7th hamlet, Binh Thanh District, HCM city

(Địa chỉ gia đình)

D.- APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: TICH-VAN-NGUYEN Occupation: IDLE (due to old age)

(Họ và tên)

(Nghề-nghiệp)

2. Address and phone number:

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee FRIEND, CAMPAIGN IN ARM, same Company at the 4th promotion of Reserved Officers School of Thủ Đức

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in USA:

Permanent resident ☒

US citizen ☐

(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Yes ☒

No ☐

I am not but a parolee just coming from Vietnam on July 25, 1988 under the ODP and living now upon \$51 602 US Dollars a month - I am a refugee not immigrant.

Date: June 6, 1989

(Ngày, tháng, năm)

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

P. O. BOX 635
WESTMINSTER, CALIF.
92684-0635

My friend, HUYNH-NGOC-THACH just needs a Letter of Introduction insisted by the Vietnamese Migration Service. He has already sent to the ODP office Bangkok 4 files of ODP Questionnaires

* Huynh Ngoc Thanh, born on May 16, 1949, used to be 1/Lt VNAF flying A1 & A37. He has been trained in US on many different USAF Bases before becoming a Pilot Instructor at Phanrang AB Pilot School. He is my son-in-law. He has been captured in many different so-called reeducation camps. Released from those camouflaged jails in 1981, he fled Vietnam by boat, but arrested and put in jail at Bentre for 8 months under the false name LE-VAN-THANH. And because of his so long absence from his authorized address, 291 Le Quang Dinh St. 7th Hamlet, Binh Thanh District, the authorization of his temporary sojourn at Hochiminh City was canceled. He must live illegally a bohemian living like a fugitive. That is the reason why he could not accompany his wife, my daughter, and his two children (2 sons) to go along with me to the US. (At the interview, the interviewer did ask me where he is, why he did not show up.) His wife and his two sons could not have left VN if a certificate of divorce had not been established to submit to the Vietnamese Migration Service. The recourse of divorce was therefore mandatory. How to get it? A sacrifice. Yes, a divorce was the only one solution. We must sacrifice one to save three — Once wearing the uniform how can a Pilot Officer like him be sure that he can live until now? (Thanh was shot down from his A1 by the VC's in an operation at Pleiku in 1969 and was saved by jumping down with his parachute, then rescued by choppers) — Once captured by the Communists, how can a prisoner, especially a Pilot as he is, believe that he can live until the day he was released? — Once fleeing by boat to escape from the hell of VN how can an escapee think that he can live until now? — Once recaptured by the VC's for having fled the Country, which is accused as treason, how dare a prisoner as he is, think that he can keep on living until now? Yet, he is still living. It is a miracle, isn't it? To sacrifice one to save Three is very logic, very reasonable. So, his sacrifice to save his wife and his two children is, of course, very necessary. Consequently, a divorce took place on April 1, 1983, a certificate of divorce insisted by the Vietnamese Migration Service, was issued. From that day, HUYNH NGOC THANH and NGUYEN-HOANG-THI-VYTHA, my daughter, are JURIDICALLY divorced. Yes, juridically, only juridically (!) on purpose to save their two sons: BAO KY-NGOC-HOANG 16 years old, and BAODUY-NGOC-HOANG 14 years old. They both are now living with me in MIDWAY City CA. 92655, going to School, Bao ky, WESTMINSTER HIGH SCHOOL, grade 9 and Bao duy, WARNER INTERMEDIATE SCHOOL, grade 8. That is the main thing, that is our greatest desideratum. They, BAO KY & BAODUY are living now a human life. To us, living under the Communist regime is animal life, dog life! Under the Communist regime, life and death have the same meaning, no difference. Saving his children is his duty, a father's duty! In any way, at any cost he must send his children away from VN. Thanh already reached the GOAL, his dream was realized. How precious, how grandiose, how adorable his sacrifice is!

Is it humane to keep him so far away from his beloved children?

Humanitarian Program! Do you hear my appeal?

TICH-VAN-NGUYEN Former MAJOR VNAF.

Questionnaire for applicants

Mr Bruce A Beardsley, Director Orderly Departure
Program's office
Bangkok Building
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10.120
Thailand

Section I.- Individual identification of the principal Applicant (PA)

1. Name : HUYNH-NGOC THACH
other name : none
2. Date and place of birth : 18.8.1927 - Giadiuh
3. Nationality : Vietnamese
4. Residence - Address : 291 Lo Quang Dinh Street - Binh Thuan - HCM City
5. Mailing Address :
6. Profession : Officer of the ARVN

Section II.- Description of past association of Principal Applicant

- (3) Employee of Vietnam (prior to 1975)
- Official in GRVN or Officer in ARVN

Title/grade	Unit/position	Supervisor or Commander	Date
2nd Lieutenant	SAC TAK Q B"	Lt Dang Khai Tuyen	June 1954
"	62nd VN B"	Major Nguyen Van Th	1954 - 1955
"	detached to Refugees' Camp	Lt Col. Duong Van Minh	
"	Military Post Office	Colonel Do Duc Tho	1955 - 1956
Lieutenant	Fort Benning School	General TRAN WEN	1956 - 1957
"	Armed Forces Language School (JGS)	Major Pham Thong TRUNG	1957 - 1960
"	Central Intelligence organization	Mr. Nguyen Van Th	1960 - 1963
Captain	C.I.O. and National Police Command	- - -	- - -
"	"In jail"	After Diem's coup	1963 - 1964
"	135th Regiment	Lt Col. Ngo Thanh Tuong	1964 - 1965
"	Saigon Transportation Terminal Command	Major Tran Thien Phuong	1965 - 1967
"	J.O.C. - JGS	General Tran Thanh Phong	1967 - 1969
Major	Vice-Chief of JGS	General Nguyen Van Ha	1969 - 1971
Lt Colonel	Central Identification Prime Minister Office	General Cao Hoa Hoi	1971 - 1975

(4) Former Associate of U.S and interned in Reeducation Camps

- Time Spent in Reeducation Camps : from 17.6.75 to 9.9.1987

- Name of Reeducation Camps, date, place :

- Long Thanh camp : 17.6.1975 to 4.11.1976

- Phu Son 4 : from 1976 to 1978 at Bắc - Thái

- Nam Ho "C" camp from 1979 to 1982 at Hà Nam Ninh

- Z.30^c camp from 1982 to 1985 at Hàm Tân.

- Z 30^p camp (THU ĐỨC) from 1985 to 1987 at Hàm Tân

- Former student in United States or abroad under US Government

Sponsorship

School : Fort Benning Military School

Location : Georgia

as Interpreter for Allied Course

- Date of employment or training : 1956 - 1957

6. Aspiration -

My name and the names of my family members would be listed in the Visa of Entry working List (VEWL) and in your letter of Introduction (L.O.I).

The present social and economic situation at VN is not suitable for us (we had a great deal of relations with the last regime and the US government)

Section III . I am filling the questionnaire for the following relatives still in VN to come to the US under the sponsorship of the US Government as Political Refugees.

Name of Dependents / Accompanying Relatives	Date and Place of birth	Relationship to P.A	Address in VN.
Nguyễn Thị Tinh	4.12.1930 Gáo	Wife	291 Lê Quang Dũng Bình Thạnh HCM City
Huỳnh Ngọc THANH	16.5.1949 Sgtn	Elderly Son	" "
Huỳnh Thị Ngọc TRINH	16.5.1952 "	Daughter	" "
Huỳnh Ngọc THAI	24.3.1954 "	Son	" "
Huỳnh Thị Ngọc TUYẾT	8.6.1957 "	Daughter	" "
Nguyễn Huỳnh Duy Vũ	19.12.1978 B.T.	* Grandson Son of TRINH	" "
Nguyễn Ngọc Phượng	16.2.1958 Sgtn	My Sister	20 Phan Văn TRI Bình Thạnh
Nguyễn Ngọc Phượng	14.9.1960 Sgtn	(Daughter of my Father's father)	" "

* Grand son

Additional Information..

The following are the names of some U.S. advisors that had close relation during my service with the ARVN.

- Lieutenant Colonel Thomason, advisor at the S.T.T.C (Sym Transportation Terminal Command) in 1966-1967
- Sergeant Reimann - " - " -
- Captain Brady at JOC. JGS 1967-1968
- Mc HUSS, Mr. Sauvageot, Mr. James Green, Mr. Stepley
Mr. Johnson, Mr. Jacobson at the Prime Minister Office 1971
to 1975.

July 1988.

Enclosed:

- Copy of release Certificate.
- Birth Certificate of PA and
accompanying family.
- Photos -

Lt Col. it was k900 Thach

C O N T R O L

_____ Card
_____ Doc.Request;Form
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form 'D'
_____ ODP/Date _____
_____ Membership;Letter

BAG 5/11/87